

Bản án số: 35/2026/HNGĐ- ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2026
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông và ông Nguyễn Ngọc Triển

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 -Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Tạ Quang T1, sinh năm 1981, (Vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01/10/2025 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Quang T1 ngày 01/01/2005. Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) - nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới chị về làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình chồng. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, sau đó mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 làm kinh tế không thuận theo ý kiến của chị dẫn đến đổ vỡ rồi quay ra đánh chửi vợ con, không quan tâm gì đến con cái, ngoài ra còn không hợp nhau về cách cư xử trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng và phải sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng có giàn xếp nhưng không đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Tạ Quang D - sinh ngày 11/01/2006, cháu Tạ Vân A - sinh ngày 13/4/2008 và cháu Tạ Tiến Đ - sinh ngày 19/01/2012. Hiện các cháu đều vẫn đang sinh sống cùng anh chị, sau ly hôn chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D và cháu Vân A; để anh T1 nuôi cháu Đ, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đến nay, cháu D và cháu Vân A đã trên 18 tuổi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Tạ Tiến Đ đang ở với chị và anh T1, ly hôn chị xin nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh T1 phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Quang T1 vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án triệu tập anh Tạ Quang T1 đến Tòa để giải quyết việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn nhưng anh T1 đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa ngày 12/01/2026, cháu Vân A khai nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở với cùng mẹ cháu, cháu Tạ Tiến Đ khai nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở với bố cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 03/3/2026, UBND xã T, tỉnh Phú Thọ cho biết chị T và anh T1 cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (cũ) ngày 01/01/2005. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không rõ. Về con chung anh chị có 03 con chung là cháu Tạ Quang D - sinh ngày 11/01/2006, cháu Tạ Vân A - sinh ngày 13/4/2008 và cháu Tạ Tiến Đ - sinh ngày 19/01/2012; hiện các cháu đang ở cùng anh T1, chị T. Về tài sản, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác anh chị có những gì và nợ ai địa phương không rõ. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định; Bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Quang T1.

Về con chung: Xác nhận anh chị có 3 con chung là các cháu Tạ Quang D - sinh ngày 11/01/2006, cháu Tạ Vân A - sinh ngày 13/4/2008 và Tạ Tiến Đ - sinh ngày 19/01/2012. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đã trình bày cháu D, cháu Vân A đã trên 18 tuổi, chị không yêu cầu giải quyết; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Xét đề nghị của chị, thấy rằng: Hiện các cháu D và Vân A đều

đã thành niên nhưng vẫn đang đi học rất tốn kém, chưa lao động tự túc được và cũng không có tài sản để tự nuôi mình; các cháu vẫn đang được anh chị cùng nhau trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong đó chi phí học hành, sinh hoạt của các cháu chủ yếu do chị đóng góp và chủ động. Xét, việc trực tiếp nuôi con là quyền cũng là nghĩa vụ của cha và mẹ; chị T vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu D, Vân A và có trách nhiệm chi phí chính trong học hành, sinh hoạt của các cháu nên theo nguyện vọng của cháu Đ cũng như khả năng và trách nhiệm thực tế trong nuôi dưỡng cả 3 cháu của anh chị, cần giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đ, chị T không phải đóng góp nuôi con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Dương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T - Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T1. Bị đơn anh T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T1 đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần 2 anh T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Tạ Quang T1 ngày 01/01/2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh T1 đến Tòa để hòa giải nhưng anh T1 cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho anh chị ly hôn để các bên có điều kiện ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: Chị T, anh T1 có 03 con chung là cháu Tạ Quang D - sinh ngày 11/01/2006, cháu Tạ Vân A - sinh ngày 13/4/2008 và cháu Tạ Tiến Đ - sinh ngày 19/01/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu D vì cháu đã trên 18 tuổi, còn chị xin nuôi cháu Vân A, để anh T1

nuôi cháu Đ. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa thì cháu Vân A đã trên 18 tuổi và chị T xin thay đổi quan điểm về việc nuôi con chung cụ thể chị không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu D và cháu Vân A, còn cháu Đ chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục không yêu cầu anh T1 phải đóng góp nuôi con chung. Xét đề nghị về việc giao nuôi con chung của chị T là tự nguyện, phù hợp thực tế và pháp luật nên cần chấp nhận, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T2 không trình bày lời khai nên không rõ quan điểm. Nếu sau khi ly hôn anh T2 có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết quan hệ hôn nhân, các vấn đề khác là có căn cứ, được xem xét khi quyết định. Về việc giao nuôi con chung, quan điểm của Viện kiểm sát là chưa phù hợp với diễn biến đề nghị giải quyết của nguyên đơn tại phiên tòa nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Quang T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2012. Hiện cháu Đ đang ở với chị T. Anh Tạ Quang T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004834 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tề Lỗ (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận

